

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05/02/2021

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thúy Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hoà;

Ông Nguyễn Hữu Đệ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 779/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2020.

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1991

HKTT: Xã Yên P, huyện Yên M, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở: Thôn Mai C, xã Đại M, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Lê Anh T, sinh năm 1991;

HKTT: Xã Yên P, huyện Yên M, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở: Thôn Mai C, xã Đại M, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị H, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Anh T tự do tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên C, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định ngày 15/01/2013. Sau khi cưới, anh chị thuê nhà tại Mai C, xã Đại M, huyện Đ, thành phố Hà Nội, có đăng ký tạm trú. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T cờ bạc nợ nần. Chị đã nhiều lần cho anh cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng anh T không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 chung là cháu Lê Quang H, sinh ngày 22/9/2013. Hiện tại cháu H đang ở cùng chị. Trường hợp ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T trình bày: Anh đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và giao các văn bản tố tụng, lý do trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh bận nên không đến Tòa được. Anh đã được Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên anh đến Tòa để tham gia tố tụng. Anh và chị H kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên C, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định. Sau cưới anh chị ở trọ tại thôn Mai C, xã Đại M, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chơi cờ bạc. Anh xác định là người có lỗi trong mâu thuẫn vợ chồng. Anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm, anh đã xin lỗi chị H. Tuy nhiên, do anh vẫn ham chơi cờ bạc nên vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Anh xác định anh có nợ nhưng không ảnh hưởng gì đến gia đình vì nó là nợ riêng của anh. Nay anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H và mong muốn được đoàn tụ. Anh đề nghị Tòa án hoà giải để vợ chồng anh được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Bản thân anh mong muốn con chung có đầy đủ cả bố mẹ bên cạnh.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Quang H, sinh ngày 22/9/2013. Hiện tại cháu H đang ở cùng anh và chị H tại nhà thuê. Trường hợp phải ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con chung. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Hiện tại anh là công nhân tại Khu công nghiệp Bắc Thăng Long, thu nhập 12.000.000 đồng-15.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung gì. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh T có đăng ký tạm trú tại Thôn Mai C, xã Đại M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị H trình bày về yêu cầu khởi kiện, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và các biện pháp hoà giải hàn gắn quan hệ hôn nhân, dành cho anh T nhiều cơ hội sửa sai nhưng anh T không thay đổi. Nay chị giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Về con chung: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Bị đơn anh T khẳng định vẫn còn tình cảm vợ chồng, mong muốn Hội đồng xét xử tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử tiến hành hoà giải nhưng không thành do chị H cương quyết xin li hôn. Do vậy, anh T nhất trí ly hôn với chị H. Trình bày xong ý kiến, anh T ra khỏi hội trường xét xử, không tiếp tục tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T không chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, anh T trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị H. Sau khi trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin li hôn của nguyên đơn, anh T đã bỏ về. Do anh T đã có lời khai và ý kiến trình bày tại phiên tòa, việc anh T bỏ ra khỏi phòng xét xử là từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, đề nghị Hội xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung:

Đề nghị Tòa án tuyên :

- + Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.
- + Về con chung: Giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị H không yêu cầu cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.
- + Về án phí: Vụ án áp dụng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]**Về tố tụng:** Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật dân sự. Anh T có nơi cư trú tại địa bàn huyện Đ, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn trong thủ tục tranh tụng tại phiên tòa: Anh T có mặt tại phiên tòa từ thời điểm khai mạc phiên tòa đến phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành hoà giải tại phiên tòa nhưng không thành do chị H cương quyết yêu cầu ly hôn. Anh T nghe rõ và có quan điểm đồng ý ly hôn. Sau đó anh T tự ý đi ra khỏi phòng xét xử, không tiếp tục tham gia tố tụng.

Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án do anh T từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại phiên toà nhưng đã có lời khai trong hồ sơ và trình bày ý kiến tại phiên toà, việc anh T bỏ về không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình tố tụng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ, có mặt tại phiên toà để tham gia tố tụng. Anh T đã có lời khai trong hồ sơ và ý kiến đồng ý ly hôn tại phiên toà. Anh T tự ý rời phiên Toà khi không được sự cho phép của chủ Toà phiên toà coi như từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại phiên toà, phải tự chịu trách nhiệm về việc từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự tại phiên toà. Việc anh T từ bỏ quyền tham gia tố tụng nêu trên không làm thay đổi nội dung vụ án, không ảnh hưởng quyền và nghĩa vụ của người khác. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh T kết hôn ngày 15/01/2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên C, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa thuận, tH xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T ham chơi cờ bạc. Quá trình giải quyết vụ án, anh T thừa nhận có lỗi nhưng không sửa chữa được. Chị H đã gửi đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Đ giải quyết ly hôn, song, tại Toà án, chị H đã rút yêu cầu để vợ chồng đoàn tụ, cho anh T cơ hội sửa sai. Tuy nhiên, mọi cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng đều không thành. Đây là lần thứ hai chị H gửi đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, anh T đề nghị chị H rút yêu cầu ly hôn để đoàn tụ, cùng nhau đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng chị H không chấp nhận.

Xét thấy giữa chị H và anh T có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không được. Việc rút đơn để vợ chồng đoàn tụ không đạt kết quả. Tại phiên toà hôm nay, anh T đồng ý ly hôn với chị H. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Anh chị 01 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 22/9/2013. Hiện tại cháu đang ở cùng bố mẹ tại thôn Mai C, xã Đại M, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Chị H có nguyện vọng được nuôi con chung. Tại lời khai anh T có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, chị H là chị công nhân, có thu nhập ổn định được chứng minh bằng bảng sao kê thu nhập từ tài khoản tiền lương của chị. Anh T có nguyện vọng nuôi con không có chứng cứ tài liệu chứng điều kiện nuôi con. Mặt khác, anh T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng do anh chơi cờ bạc. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi và điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con chung, xét nên giao cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 22/9/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Tam hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị H không yêu cầu cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[3]**Về án phí**: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]**Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56; Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, 35, 39; Điều 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị H với anh Lê Anh T, cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giao giao cháu Lê Quang H, sinh ngày 22/9/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị H không yêu cầu cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Chị H, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0008639 ngày 21/12/2020. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Đ;
- Ủy ban nhân dân xã Yên C, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thúy Hà

